

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **695/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/3/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/3/2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số 2837/2022/HNST ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2023/QĐXXST-DS ngày 08/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 658/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Hồng H, sinh năm: 1981, số căn cước công dân: 074181017989 cấp ngày 27/11/2021.

Thường trú: Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay: phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh Quang Tr, sinh năm: 1982, số định danh cá nhân: 049082016264.

Thường trú: huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Nơi ở hiện nay: phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai đề ngày 23/11/2022, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được, bà Trương Hồng H là nguyên đơn trình bày:

Bà Trương Hồng H và ông Huỳnh Quang Tr tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109, Quyển số 01 ngày 16/7/2009 do Ủy ban nhân dân Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn cả hai về chung sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, mâu thuẫn trong hôn nhân đã kéo dài trong nhiều năm, mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng tìm cách hòa giải, hàn gắn tình cảm để chung sống, chăm sóc con cái nhưng không thu được kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà H xin ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Hương Gi, giới tính nữ, sinh ngày 11/4/2010 và Huỳnh Quang Kh, giới tính nam, sinh ngày 15/3/2012. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn là ông Huỳnh Quang Tr mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn không lên, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

- Ngày 03/3/2023, bà Trương Hồng H có Bản tự khai ghi nhận ý kiến: đối với ý kiến của con là Huỳnh Quang Kh mong muốn sống với cha khi cha mẹ ly hôn thì bà tôn trọng ý kiến của con và đồng ý giao con chung là Huỳnh Quang Kh cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Do có công tác nên bà xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử ngày 22/3/2023

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà Trương Hồng H có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn - ông Huỳnh Quang Tr vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tr. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Tr cư ngụ tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 109, Quyền số 01 ngày 16/7/2009 do Ủy ban nhân dân Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa bà H và ông Tr là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, bà H có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 175, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr, bà H.

[3] *Xét yêu cầu của đương sự:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Bà H có yêu cầu ly hôn với ông Tr. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà H trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông Tr có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không hạnh phúc, vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Bà H đã cố gắng tìm cách hòa giải nhưng không thu được kết quả. Theo kết quả xác minh, Ủy ban nhân dân phường Phú Hữu, Thành phố Hồ Chí Minh không rõ về mâu thuẫn gia đình của vợ chồng bà H, ông Tr. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Tr đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Tr không đến, cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa, chứng tỏ ông Tr thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của bà H và ông Tr không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3.2] *Về con chung:* Bà H và ông Tr có 02 con chung tên Huỳnh Hương Gi, giới tính nữ, sinh ngày 11/4/2010 và Huỳnh Quang Kh, giới tính nam, sinh ngày 15/3/2012. Tại thời điểm khởi kiện, bà H mong muốn được nuôi 02 con chung nêu trên, tuy nhiên, theo ý kiến trình bày tại Bản tự khai đề ngày 03/3/2023 thì bà H đồng ý tự nguyện giao con chung là Huỳnh Quang Kh cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn theo nguyện vọng của trẻ Huỳnh Quang Kh. Ngoài ra, tại bản khai đề ngày 23/11/2022, bà H trình bày bà H và ông Tr có tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ số 41 đường D1, Mega Village, tổ 1, khu phố 3, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

và chiếc ô tô 7 chỗ hiệu X – Pander nên Hội đồng xét xử xét thấy ông Tr có đủ điều kiện về tài chính để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, việc giao trẻ tên Huỳnh Hương Gi cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Huỳnh Quang Kh cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của nguyên đơn.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H khai hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Tr vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] *Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn là bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được căn trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trương Hồng H:

- Về hôn nhân: Bà Trương Hồng H được ly hôn với ông Huỳnh Quang Tr.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Hương Gi, giới tính nữ, sinh ngày 11/4/2010 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung tên Huỳnh Quang Kh, giới tính nam, sinh ngày 15/3/2012 cho ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H, ông Tr không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tr và bà H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà H, ông Tr và gia đình không được cản trở ông Tr, bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai tự thỏa thuận giải quyết. Trường hợp đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác;

2. Về án phí:

Bà Trương Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0006766 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H không phải nộp thêm án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Cao Quốc Hưng

Nguyễn Thị Chi

Phạm Minh Vương

